



# SỬ DỤNG MÔ HÌNH HỒI QUY NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TÍNH CHỦ ĐỘNG TRONG HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

USING A REGRESSION MODEL TO STUDY FACTORS AFFECTING THE INITIATIVE IN LEARNING PHYSICAL EDUCATION OF STUDENTS AT NONG LAM UNIVERSITY, HO CHI MINH CITY

**TÓM TẮT:** Nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tính chủ động học giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, làm cơ sở cải thiện việc dạy-học. Sử dụng phương pháp định tính và định lượng với mẫu khảo sát gồm 420 sinh viên phân tích bằng SPSS 20, kết quả cho thấy các yếu tố nội tại (động cơ học tập, nhận thức về lợi ích) và ngoại tại (nội dung học, giảng viên, cơ sở vật chất) đều tác động đến tính chủ động. Đặc biệt, động cơ và nhận thức của sinh viên đóng vai trò chủ đạo (hệ số hồi quy chuẩn hóa 0,639). Tương quan thuận chiều giữa tính chủ động và mức độ rèn luyện thể chất được xác nhận ( $R^2 = 0,643$ ). Nghiên cứu cung cấp cơ sở để tối ưu hóa chương trình giáo dục thể chất, nâng cao hiệu quả học tập và rèn luyện của sinh viên.

**TỪ KHÓA:** Mô hình hồi quy, tác động, tính chủ động, giáo dục thể chất, sinh viên.

**ABSTRACT:** The study identifies factors influencing the proactive learning of Physical Education among students at Nong Lam University, Ho Chi Minh City, as a basis for improving teaching and learning practices. Using qualitative and quantitative methods with a survey sample of 420 students analyzed using SPSS 20. The results show that both intrinsic factors (learning motivation, awareness of benefits) and extrinsic factors (course content, instructors, facilities) influence proactive learning. Notably, students' motivation and awareness play a key role (standardized regression coefficient of 0.639). A positive correlation between proactive learning and the level of physical training was confirmed ( $R^2 = 0.643$ ). The study provides a foundation for optimizing the Physical Education program to enhance students' learning and training effectiveness.

**KEYWORDS:** Regression model, impact, proactivity, physical education, students.

**HÀ THỊ THẢO TRÂM  
NGUYỄN ĐÌNH TRƯỞNG  
NGUYỄN LƯU NGUYỄN**  
*Trường Đại học Nông Lâm Thành  
phố Hồ Chí Minh*

**HA THI THAO TRAM  
NGUYEN DINH TRUONG  
NGUYEN LUU NGUYEN**  
*Nong Lam University, Ho Chi Minh  
city*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xã hội hiện đại, việc giáo dục con người toàn diện phát triển cả văn - thể - mỹ ngày càng được chú trọng. Giáo dục không chỉ nên tập trung truyền thụ kiến thức khoa học mà còn cần giáo dục cả thể chất nhằm tạo ra nguồn nhân lực tương lai khỏe về thể chất, mạnh về chuyên môn. Vấn đề Giáo dục thể chất

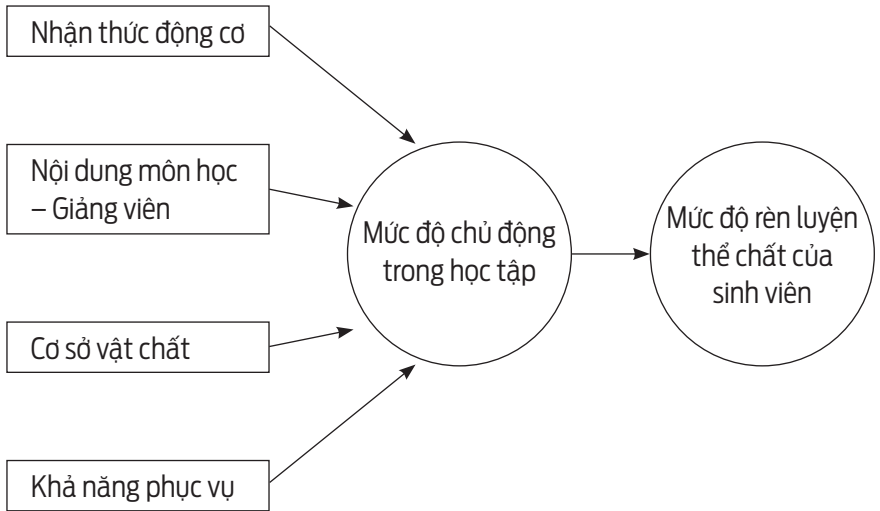
cho thế hệ trẻ được Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền hết sức quan tâm. Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng Giáo dục thể chất cho sinh viên các trường đại học được đề ra (Văn Đình Cường, 2020)[2]. Ngành Giáo dục xác định hai nhiệm vụ quan trọng hàng đầu phải được thực hiện song hành là: Tổ chức học tập và rèn luyện thể chất

[1]. Rèn luyện thể chất là hoạt động rất quan trọng, không thể thiếu trong đời sống của sinh viên. Tuy nhiên, hiện nay một bộ phận không nhỏ học sinh, sinh viên và đặc biệt là sinh viên Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh chưa ý thức được tầm quan trọng của việc học tập Giáo dục thể chất, rèn luyện thể chất nâng cao sức khỏe bản thân. Kết quả nghiên cứu của Đinh Trà Giang (2022) [3] cũng đã chỉ ra các yếu tố chính tác động đến chất lượng học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên. Trong xu thế đổi mới giáo dục hiện nay, phương pháp giảng dạy “lấy người học làm trung tâm” đòi hỏi sự tích cực, chủ động của người học trong học tập nói chung và học tập Giáo dục thể chất. Thông qua “Mô hình hồi quy nghiên cứu các nhân tố tác động đến tính chủ động trong học tập môn Giáo dục thể chất” nhằm xác định tác nhân chính gây ảnh hưởng trực tiếp đến tính chủ động trong học tập Giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó giúp phát huy tính chủ động của sinh viên trong học tập Giáo dục thể chất tại nhà trường, thúc đẩy tinh thần tự giác rèn luyện thể chất của sinh viên, góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ then chốt của nhà trường trong giai đoạn đổi mới: đào tạo nguồn nhân lực hùng mạnh cả trí và lực cho quốc gia.

**Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính (tổng hợp, phân tích tài liệu, thảo luận hiệu

**MÔ HÌNH PHÂN TÍCH DỰ KIẾN**



chính thang đo) và phương pháp định lượng với công cụ chính là phần mềm SPSS xử lý dữ liệu thu thập, kiểm định mô hình và giả thuyết nghiên cứu.

**Khách thể nghiên cứu**

Khách thể phỏng vấn: 420 em sinh viên khóa 2024 – 2027 Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh gồm 214 nam và 206 nữ.

Mô hình dự kiến và giả thuyết nghiên cứu

**\* Mô hình phân tích dự kiến** (xem hình)

**\* Giả thuyết nghiên cứu**

H<sub>01</sub>: Nhận thức, động cơ học tập môn Giáo dục thể chất không ảnh hưởng đến Tính chủ động trong học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên.

H<sub>02</sub>: Nội dung môn học - Giảng viên không ảnh hưởng đến Tính chủ động trong học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên.

H<sub>03</sub>: Cơ sở vật chất không ảnh hưởng đến Tính chủ động trong học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên.

H<sub>04</sub>: Khả năng phục vụ không ảnh hưởng đến Tính chủ động

trong học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên.

H<sub>05</sub>: Tính chủ động trong học tập môn Giáo dục thể chất không ảnh hưởng đến Mức độ rèn luyện thể chất của sinh viên.

Thang đo các yếu tố trong mô hình nghiên cứu:

**\* Nhận thức - động cơ học tập của sinh viên:**

được đo lường bởi 5 yếu tố: ND1 (Việc học môn Giáo dục thể chất rất cần thiết đối với sinh viên), ND2 (Luyện tập Thể dục Thể thao giúp sinh viên hình thành thói quen sinh hoạt tốt), ND3 (Luyện tập Thể dục Thể thao để kiểm tra môn Giáo dục thể chất đạt kết quả cao), ND4 (Luyện tập Thể dục Thể thao vì sở thích, hứng thú), và ND5 (Việc học Giáo dục thể chất mang lại cho sinh viên những tác động tích cực trong hoạt động học tập nghiên cứu tại trường).

**\* Nội dung môn học - Giảng viên:**

được đo lường bởi 6 yếu tố: GD1 (Nội dung môn học đáp ứng các yêu cầu phát triển thể chất của sinh viên), GD2 (Nội dung môn học phù hợp giúp sinh viên linh hoạt vấn đề

**BẢNG 1: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY THANG ĐO BẰNG HỆ SỐ CRONBACH'S ALPHA**

BIẾN ĐỘC LẬP VÀ BIẾN PHỤ THUỘC	SỐ BIẾN QUAN SÁT	HỆ SỐ CRONBACH'S ALPHA	HỆ SỐ TƯƠNG QUAN BIẾN TỔNG NHỎ NHẤT
Nhận thức, động cơ học tập của sinh viên	5	0,908	0,720
Nội dung môn học – giảng viên	6	0,898	0,703
Cơ sở vật chất	3 (lần 1)	0,541	0,042 (loại VC2)
	2 (lần 2)	0,762	0,620
Khả năng phục vụ	3 (lần 1)	0,422	0,000 (loại PV2)
	2 (lần 2)	0,888	0,799
Tính chủ động trong học tập môn GDTC	4	0,851	0,598
Mức độ RLTC	4	0,835	0,601

tốt), GD3 (Giảng viên có năng lực chuyên môn tốt), GD4 (sinh viên được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy và chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập), GD5 (Giảng viên có phương pháp thị phạm tốt giúp gia tăng sự hứng thú trong học tập của sinh viên) và GD6 (Giảng viên có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên).

\* **Cơ sở vật chất:** được đo lường bởi 3 yếu tố: VC1 (Giáo trình/tài liệu học tập của mỗi môn học được thông báo đầy đủ, đa dạng), VC2 (Cơ sở vật chất và môi trường học tập cho việc học môn Giáo dục thể chất là phù hợp và tương xứng với mức học phí đóng vào) và VC3 (Sân bãi tập luyện đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên).

\* **Khả năng phục vụ:** được đo lường bởi 3 yếu tố: PV1 (Nhân viên hành chính có thái độ phục vụ tốt và tôn trọng sinh viên), PV2 (Các thông tin trên website của nhà trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên) và PV3 (sinh viên nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ nhiệt tình của lãnh đạo khoa, giáo vụ khoa, chuyên viên đào tạo và

thanh tra khi cần).

\* **Tính chủ động trong học Giáo dục thể chất:** được đo lường bởi 4 yếu tố: CD1 (Sinh viên có tìm hiểu về tầm quan trọng của môn Giáo dục thể chất), CD2 (SV tự giác luyện tập trong các buổi học để có thể hoàn thành tốt nhất môn học), CD3 (Ngoài giờ học, sinh viên có tham gia luyện tập theo các bài học của môn Giáo dục thể chất) và CD4 (Sinh viên có đủ khả năng vượt qua các trở ngại để đạt mục tiêu và chịu trách nhiệm với quyết định của bản thân).

\* **Mức độ RLTC:** được đo lường bởi 4 yếu tố: TC1 (Sinh viên thường xuyên tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất), TC2 (Kiến thức có được từ chương trình Giáo dục thể chất của nhà trường giúp cho sinh viên hứng thú và chủ động hơn trong hoạt động rèn luyện thể chất), TC3 (Sinh viên thường xuyên tham gia các câu lạc bộ rèn luyện thể chất ngoài giờ học), và TC4 (Việc tham gia rèn luyện thể chất mang lại cho sinh viên những tác động tích cực trong cuộc sống).

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 2.1 Kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Phương pháp Cronbach's Alpha được sử dụng để kiểm tra độ tin cậy thang đo nhằm kiểm tra các biến quan sát có đo lường cùng một yếu tố hay không; biến quan sát chỉ được sử dụng trong thang đo khi có hệ số tương quan biến tổng > 0,3; thang đo chỉ đáng tin cậy khi có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha > 0,6 [4].

Kết quả kiểm định cho thấy, thang đo các yếu tố Cơ sở vật chất và Khả năng phục vụ chưa phù hợp vì có hệ số Cronbach's Alpha lần lượt là 0,541 và 0,422 (loại bỏ các biến VC2 và PV2); đồng thời chạy lại kiểm định Cronbach's Alpha cho hai yếu tố: Cơ sở vật chất và Khả năng phục vụ. Kết quả lần 2 cho hệ số Cronbach's Alpha của các yếu tố đều có giá trị lớn hơn 0,7 đồng thời hệ số tương quan biến tổng của các biến thành phần đều lớn hơn 0,3 cho thấy đã chọn được hệ biến đạt tiêu chuẩn và đảm bảo độ tin cậy.

**2.2 Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis)**

Nghiên cứu sử dụng thang đo ban đầu gồm 17 biến quan sát độc lập, sau khi kiểm tra mức độ tin cậy bằng phương pháp Cronbach's Alpha thì có 2 biến bị loại. Tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA cho 15 biến độc lập còn lại. Kết quả cho thấy 15 biến quan sát hội tụ và được phân thành 4 nhân tố riêng biệt. Nhóm thứ nhất là nhóm ND gồm 5 biến quan sát ND2, ND3, ND1, ND4 và ND5; nhóm thứ hai là nhóm GD gồm 6 biến quan sát đó là GD2, GD4, GD3, GD1, GD5 và GD6; nhóm thứ ba là nhóm PV có 2 biến quan sát PV1 và PV2; nhóm thứ tư là nhóm VC, có 2 biến quan sát là VC3 và VC1. Các biến quan sát đều có hệ số tải > 0,5 do đó 15 biến này đều tương quan có ý nghĩa thống kê với các nhân tố trích tương ứng. Hệ số KMO = 0,868 > 0,5 cho thấy sự phân bố các biến vào các nhân tố được trích là phù hợp. Giá trị Sig Bartlett's = 0,000 < 0,05 chứng tỏ sự tương quan của các biến có ý nghĩa thống kê. Tổng hệ số trích của 4 nhân tố được trích đạt mức 1,210 thỏa mãn tiêu chí Eigenvalue > 1 và tổng phương sai 4 nhân tố trích được là 74,5%. Kết quả phân tích cho thấy 4 nhân tố này là đại diện tốt nhất, thay thế cho 15 biến quan sát trong phân tích EFA, 4 nhân tố trích này giải thích được 74,5% sự biến thiên của tổng số biến quan sát.

**2.3. Kiểm định mô hình hồi qui và giả thuyết nghiên cứu**

Việc phân tích hồi qui nhằm xác định cụ thể trọng số của

**BẢNG 2: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH EFA THANG ĐO**

BIẾN QUAN SÁT	HỆ SỐ TÀI NHÂN TỐ			
	1	2	3	4
ND2	0,829			
ND3	0,823			
ND1	0,805			
ND4	0,787			
ND5	0,735			
GD2		0,829		
GD4		0,789		
GD3		0,774		
GD1		0,768		
GD5		0,667		
GD6		0,623		
PV1			0,939	
PV3			0,935	
VC3				0,897
VC1				0,893
Hệ số KMO		0,868		0,5 < 0,868 < 1
Giá trị Sig Bartlett's		0,000		0,000 < 0,05
Tổng phương sai trích		74,5%		50% < 74,5%
Trị số Eigenvalue		1,210		1 < 1,210

từng thành phần biến độc lập (ND, GD, VC, PV) tác động đến biến phụ thuộc (CD). Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy biến PV không tác động lên biến phụ thuộc CD (PV có Sig kiểm định  $t = 0,954 > 0,05$ ) nên loại PV ra khỏi mô hình hồi quy; chấp nhận giả thuyết H04. Các biến ND, GD và VC đều có Sig kiểm định  $t < 0,05$  nên sự tác động của các biến này lên biến phụ thuộc CD đều có ý nghĩa thống kê. Nghĩa là, bác bỏ các giả thuyết H<sub>01</sub>, H<sub>02</sub> và H<sub>03</sub>.

Giá trị R<sup>2</sup> hiệu chỉnh là 0,624 > 0,5 cho thấy có sự tồn tại mô hình hồi qui tuyến tính đa biến giữa biến phụ thuộc CD và 3 biến độc lập ND, GD, VC. Mức độ thích hợp của mô hình là

62,4% hay nói cách khác các biến độc lập trong mô hình giải thích được 62,4% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Bên cạnh đó, hệ số hồi qui của các biến độc lập này đều dương nên tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc là thuận chiều. Do đó, mô hình hồi quy đa biến chuẩn hóa được thiết lập như sau:

$$CD = 0,639 ND + 0,161 GD + 0,098 VC + \epsilon, \text{ (với } \epsilon \text{ là sai số)}$$

Kết quả phân tích hồi quy đơn biến cho thấy biến CD có Sig. = 0,000 < 0,05 chứng tỏ sự tác động của biến CD đến biến phụ thuộc TC có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%, do đó bác bỏ giả thuyết H05. Hệ số tương quan R có giá trị 0,802 cho thấy biến CD tương quan



**BẢNG 3: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH GIÁ THUYẾT THÔNG QUA MÔ HÌNH HỒI QUY ĐA BIẾN**

NHÂN TỐ	$\beta$	$\beta$ CHUẨN HÓA	Sig.	KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH GIÁ THUYẾT	VIF
	0,383		0,030 < 0,05		
ND	0,657	0,639	0,000 < 0,05	Bác bỏ H <sub>01</sub>	1,938 < 10
GD	0,167	0,161	0,000 < 0,05	Bác bỏ H <sub>02</sub>	1,908 < 10
VC	0,077	0,098	0,002 < 0,05	Bác bỏ H <sub>03</sub>	1,101 < 10
PV	0,002	0,002	0,954 > 0,05	Chấp nhận H <sub>04</sub>	1,038 < 10
R	0,792				
R <sup>2</sup>	0,627				
R <sup>2</sup> hiệu chỉnh	0,624				
Sig của kiểm định F	0,000		0,000 < 0,05		
Hệ số Durbin-Watson	1,967		1 < 1,967 < 2,5		

**BẢNG 4: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH GIÁ THUYẾT THÔNG QUA MÔ HÌNH HỒI QUY ĐƠN BIẾN CD VÀ TC**

NHÂN TỐ	$\beta$	$\beta$ CHUẨN HÓA	Sig.	KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH GIÁ THUYẾT	VIF
	1,205		0,000 < 0,05		
CD	0,740	0,802	0,000 < 0,05	Bác bỏ H <sub>05</sub>	1,000 < 10
R		0,802			
R <sup>2</sup>		0,644			
R <sup>2</sup> hiệu chỉnh		0,643			
Sig của kiểm định F			0,000 < 0,05		
Hệ số Durbin-Watson			1 < 1,932 < 2,5		

thuận và khá chặt chẽ với biến TC. Bên cạnh đó giá trị R<sup>2</sup> hiệu chỉnh bằng 0,643; chứng tỏ sự tồn tại mô hình hồi qui tuyến tính giữa biến CD và biến TC với mức độ thích hợp của mô hình là 64,3 %. Phương trình hồi qui tuyến tính chuẩn hóa giữa mức độ RLTC với tính chủ động trong học Giáo dục thể chất là:  $TC = 0,802CD + \lambda$ , (với  $\epsilon$  là sai số).

### 3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy,

Tính chủ động trong học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh chịu tác động bởi một số yếu tố chủ yếu như: Cơ sở vật chất của nhà trường; Nội dung môn học; Nhận thức về tầm quan trọng của việc học môn Giáo dục thể chất; Động cơ học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên; Giảng viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất... Trong đó, sự tác động của yếu tố: “Nhận thức về tầm quan trọng của việc học

môn Giáo dục thể chất, động cơ học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên” mang tính quyết định. Do đó, để nâng cao hiệu quả của việc dạy và học Giáo dục thể chất tại nhà trường, bên cạnh việc thường xuyên cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, điều chỉnh nội dung môn học phù hợp với nhu cầu thực tiễn, nâng cao chất lượng chuyên môn của đội ngũ giảng viên cần chú trọng thực hiện các biện pháp nâng cao nhận thức, điều chỉnh động cơ học tập của sinh viên

theo hướng tích cực; giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của môn Giáo dục thể chất, các lợi ích do việc rèn luyện thể chất mang lại thông qua việc: nhà Trường cùng các Tổ chức Đoàn thể, Hội sinh viên tổ chức đầy mạnh tuyên truyền về tầm quan

trọng của môn Giáo dục thể chất và việc rèn luyện thể chất đối với sức khỏe và sự nghiệp tương lai của các em; thường xuyên tổ chức các hội thảo và hội thao khuyến khích sinh viên tham gia; tổ chức các câu lạc bộ Thể thao trong và ngoài trường,

đa dạng môn thể thao giảng dạy để kích thích sinh viên tham gia tập luyện, rèn luyện thể chất một cách tích cực. ■

---

(Ngày tòa soạn nhận bài: 05/10/2024, ngày phản biện đánh giá: 11/11/2024, ngày chấp nhận đăng: 15/12/2024)

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành *Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*.
2. Văn Đình Cường (2020), *Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho sinh viên các trường đại học tại thành phố Vinh*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.
3. Đình Trà Giang (2022). *Đánh giá thực trạng một số yếu tố tác động đến chất lượng môn giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Thương mại*, Tạp chí công thương, số 10.
4. Phạm Lộc (2024), *Phân tích nhân tố khám phá nhân tố khám phá EFA bằng SPSS*. Truy cập ngày 10 tháng 05 năm 2024, <https://www.phamlocblog.com/2018/07/phan-tich-nhan-to-kham-pha-efa.html>.